

Overall length	Thread length	Position on basic dia.	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ _g	D _s	K	ℓ _k

NPTF

Mũi Taro Dòng Hand Tap Cho Ren Ống Côn “American Dryseal”
(Hand Taps for American Dryseal Taper Pipe Threads)



Thông Số Kỹ Thuật



- NPTF là mũi taro dòng hand tap dành cho ren ống côn chuẩn “American dry seal” và được sử dụng cho các sản phẩm có mục đích chính là làm kín bằng mối ghép ren trong kết nối các bộ phận của đường

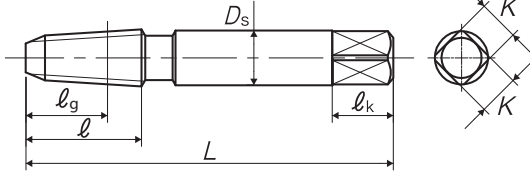
Khuyến nghị tốc độ cắt gọt dựa trên vật liệu gia công

Thép Các Bon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
~5
(m/min)

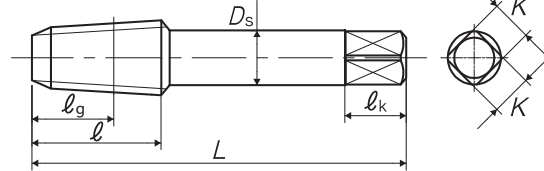
Thép Các Bon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
~5
(m/min)

Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
合金鋼
~5
(m/min)

TYPE :1



TYPE :2



Segment : 1G

Size	Class	Code	Chamfer	Basic major dia (mm)	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ _g (mm)	D _s (mm)	K (mm)	ℓ _k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Ống Chuẩn Mỹ (American Pipe Threads)													
1/16-27 NPTF	ANSI G	TNTF01L	3P	7.770	54	17	12	8	6	9	4	1	¥ 5,870
1/8-27 NPTF	ANSI G	TNTF02L	3P	10.117	55	19	12.05	8	6	9	4	2	¥ 5,870
1/4-18 NPTF	ANSI G	TNTF04O	3P	13.426	62	28	17.45	11	9	12	4	2	¥ 8,310
3/8-18 NPTF	ANSI G	TNTF06O	3P	16.866	65	28	17.65	14	11	14	4	2	¥ 13,800
1/2-14 NPTF	ANSI G	TNTF08Q	3P	20.980	80	35	22.85	18	14	17	4	2	¥ 23,000
3/4-14 NPTF	ANSI G	TNTF12Q	3P	26.325	85	35	22.95	23	17	20	4	2	¥ 38,200
1 -11.5 NPTF	ANSI G	TNTF16T	3P	32.934	95	45	27.4	26	21	24	5	2	¥ 70,700
1 1/4-11.5 NPTF	ANSI G	TNTF20T	3P	41.689	105	45	28.1	32	26	30	5	2	¥107,000
1 1/2-11.5 NPTF	ANSI G	TNTF24T	3P	47.760	110	45	28.4	38	29	32	6	2	¥152,000
2 -11.5 NPTF	ANSI G	TNTF32T	3P	59.797	120	50	28	46	35	38	6	2	¥240,000

Spiral Fluted Taps
(for blind hole)

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Pointed Taps
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented
Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

Center Drills
Centering Tools

⑪

JIS

⑧-84